

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN HOUSING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN HOUSING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN HOUSING REAL ESTATE DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109821942

**3. Ngày thành lập:** 17/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, tòa nhà AD Building số 15 ngõ 82 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936406696

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.<br>- Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                       | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4620     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4649 |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4662 |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản<br>- Quản lý và vận hành nhà chung cư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6810 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                              | 6820(Chính) |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7020        |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;<br>- Kiểm định xây dựng;<br>- Khảo sát xây dựng;<br>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Thi công xây dựng công trình;<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy | 7110        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 17. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                                                                                                                                                                                                            | 5510        |
| 19. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5590        |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5610        |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5621        |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5629        |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630        |
| 24. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911        |
| 25. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912        |

|     |                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch         | 7990 |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                           | 4101 |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                     | 4102 |
| 29. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)                                 | 4311 |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)                      | 4312 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                       | 4321 |
| 32. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh | 4753 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                               | Loại cổ<br>phần         | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐỖ QUANG<br>HUY       | Phòng 1914<br>Chung cư CT1<br>Thăng Long City,<br>Phường Đại Mỗ,<br>Quận Nam Từ<br>Liên, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 250.000       | 2.500.000.000            | 25,000       | 0300900052<br>77                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                                                                                  | Tổng số                 | 250.000       | 2.500.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                                                  |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | THÁI THỊ<br>THANH VÂN | P1408 tòa A,<br>chung cư River<br>Park 69 Vũ Trọng<br>Phụng, Phường<br>Thanh Xuân<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 200.000       | 2.000.000.000            | 20,000       | 0251920002<br>80                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                                                                                  | Tổng số                 | 200.000       | 2.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                                                  |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 3   | NGUYỄN<br>ANH TÚ      | P1208 Chung cư<br>NO 17-1 Khu đô<br>thị Sài Đồng,<br>Phường Phúc<br>Đông, Quận Long<br>Biên, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 550.000       | 5.500.000.000            | 55,000       | 142422950                                                                                                              |            |
|     |                       |                                                                                                                                                  | Tổng số                 | 550.000       | 5.500.000.000            | 55,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                                                  |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

**\* Họ và tên:** NGUYỄN ANH TÚ **Giới tính:** Nam  
**Chức danh:** *Chủ tịch hội đồng quản trị*  
**Sinh ngày:** 20/08/1987 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:** *Chứng minh nhân dân*  
**Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:** 142422950  
**Ngày cấp:** 22/10/2010 **Nơi cấp:** Công an tỉnh Hải Dương  
**Địa chỉ thường trú:** *Thôn Tràng Kỹ, Xã Tân Trường, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*  
**Địa chỉ liên lạc:** *P1208 Chung cư NO 17-1 Khu đô thị Sài Đồng, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**\* Họ và tên:** ĐỖ QUANG HUY **Giới tính:** Nam  
**Chức danh:** *Tổng giám đốc*  
**Sinh ngày:** 03/09/1990 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:** *Thẻ căn cước công dân*  
**Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:** 030090005277  
**Ngày cấp:** 06/05/2020 **Nơi cấp:** Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội  
**Địa chỉ thường trú:** *Thôn Mòi, Xã Vĩnh Hưng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*  
**Địa chỉ liên lạc:** *Phòng 1914 Chung cư CT1 Thăng Long City, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội